

1. Là tác giả đề nghị xét công nhận sáng kiến “Nâng cao chất lượng dạy - học Chính tả - Lớp 3”

2. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến:

3. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Giáo dục (môn Chính tả)

4. Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu: 03/09/2020

5. Mô tả bản chất của sáng kiến

5.1 Tính mới của sáng kiến

5.1.1 Tình trạng của giải pháp đã biết

Qua nghiên cứu thực tiễn, tôi đã thống kê được các loại lỗi học sinh thường mắc phải các như sau:

*** Về thanh điệu:**

Tiếng Việt có 6 thanh điệu (**ngang, huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng**) thì học sinh không phân biệt 2 thanh **hỏi, ngã**. Tuy chỉ có 2 thanh nhưng số lượng tiếng mang 2 thanh này không ít và rất phổ biến - kể cả những người có trình độ văn hoá cao.

Ví dụ: sửa chữa, chỉ dẫn, vẽ tranh, hỗ trợ...

Về âm đầu:

***/ Phương ngữ Bắc Bộ:**

+ ch/tr: cỏ chanh, chang vờ, ...

+ l/n: no nắng, mũ ca nô, ...

+ s/x: con ốc xên, cây xúng, ...

***/ Phương ngữ Trung - Nam Bộ:**

+ v/d/gi: con giao, giải lụa, giòng giống, dui dẻ, ...

+ r/g: cá gô, cái gỗ, ...

+ c/k: céo co, cái cẹo, ...

***/ Cả 3 vùng miền:**

+ g/gh: con gẹ, gẻ qua, ...

+ ng/ngh: ngỉ ngơi, nge nhạc, ngỏi chơi, ...

=> Trong các lỗi này, lỗi về **ch/tr, s/x, v/d/gi** là phổ biến hơn cả

*** Về âm chính:** Học sinh hay mắc lỗi khi viết chữ ghi các âm chính sau đây:

+ ô/ơ: hợm nay, đợm lửa, ...

+ a/â: mậu đỏ, cậu nhậu, ...

+ iê/i : thanh kịm, hịu bài, dịu sáo, ...

- + ô/o: trái òi, cái gói, boi xóa, mênh mong, ...
- + â/ă: suru tăm, băm tím, ...
- + ă/â: găp gờ, trung lăp, ...
- + uô/u: chín mùi, đui cá, tui thân, ...
- + ươ /ư: múi bưi, cữi ngưa, ốc bưu...

* Về âm cuối:

Học sinh thường viết lẫn lộn chữ ghi âm cuối trong các vần sau đây:

- + t/c: viêc bai, chim cúc, giăc giữ, rét buôc, co thắc, nổi bâc, nhất lên, ...
- + n/ng : cái bàng, hoa lang, bàn châng, con rắng, tuông roi, vưng lên ...
- + nh/n: bắp bên, lên khên,...
- + ch/t: trắng bêt, chênh chêt, ...
- + t/ch: trái mích, quay tích, một lích, ...
- + y/i: bàn tại, xại lúa, mái bại, ...
- + u/o : mào đỏ, ông cháo, ...

Qua các năm học, nghiên cứu một số lỗi học sinh mắc phải, tôi rút ra được những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc viết sai chính tả của học sinh.

Một là, học sinh không chú ý đến việc nghe thầy cô phát âm hoặc có trường hợp giáo viên phát âm sai dẫn đến học sinh viết sai chính tả. Học sinh phát âm thế nào thì viết như vậy.

Theo các nhà ngữ âm học, người Việt từ Nghệ An trở vào không phân biệt được 2 thanh **hỏi, ngã**. Hay nói đúng hơn trong phương ngữ Trung và Nam không có thanh **ngã**. Mặt khác, số lượng tiếng mang 2 thanh này khá lớn. Do đó lỗi về dấu câu rất phổ biến.

Về âm đầu: Trong phương ngữ Bắc và Nam có sự lẫn lộn giữa các chữ ghi âm đầu **ch/tr, s/x, d/gi**. Mặt khác, người Miền Nam còn lẫn lộn **v** và **d**. Ngoài ra, trong quy ước về chữ quốc ngữ, một âm ghi bằng 2 hoặc 3 dạng (ví dụ: /**k**/ ghi bằng **c, k, qu**...) dĩ nhiên là có những quy định riêng cho mỗi dạng, nhưng đối với học sinh tiểu học (nhất là học sinh chưa hoàn thành nội dung môn học) thì rất dễ lẫn lộn.

Về âm chính: Có 2 nguyên nhân gây ra sự lẫn lộn về âm chính trong các vần này.

Nguyên nhân thứ nhất là do sự phức tạp của chữ quốc ngữ: Nguyên âm /**ă**/ lại được ghi bằng chữ **a** trong các vần **ay, au**, các nguyên âm đôi /**ie, ươ, uô**/ lại được ghi

bằng các dạng *iê, yê, ia, ya; ươ, ư; uô, ua (tia - khuya, chiêm - luyến, nĩa - nương, chua - luôn)*; âm đệm /w/ lại được ghi bằng 2 con chữ *u* và *o* (ví dụ: *huê, hoa*).

Nguyên nhân thứ hai là do cách phát âm lẫn lộn trong phương ngữ Nam Bộ đối với các âm chính trong hầu hết các vần trên.

Về âm cuối: Người miền Nam phát âm hoàn toàn không phân biệt các vần có âm cuối *n/ng/nh* và *t/c/ch*. Mà số từ mang các vần này không nhỏ. Mặt khác hai bán âm cuối */i,u/* lại được ghi bằng 4 con chữ *i/y* (trong: *nai/nay*), *u/o* (trong: *mau/mao*) do đó lỗi về âm cuối là lỗi khó khắc phục đối với học sinh khu vực phía Nam.

Hai là, không chú ý phân tích chữ khó. Viết bài xong, không dò lại bài.

Ba là, học sinh không hiểu nghĩa từ dẫn đến việc sai chính tả.

Bốn là, Do không nắm được quy tắc chính tả, ví dụ quy tắc viết hoa, những quy tắc dùng phụ âm đơn hoặc ghép (ng/ngh, g/gh), y/i, c/k. Khi viết, không chú ý đến quy tắc kết hợp...

Năm là, Học sinh chưa có ý thức sửa sai tích cực. Với học sinh viết sai quá nhiều lỗi chính tả ngoài việc cho các em luyện viết chính tả trong nhóm giáo viên cần yêu cầu các em có sổ riêng, ghi lại nhiều lần tiếng, từ hay viết sai để các em nhớ mặt chữ và sẽ không viết sai những chữ đó ở lần sau.

Sáu là, không chú ý đến việc làm các bài tập chính tả, nội dung bài tập chính tả đơn điệu, không kích thích sự hứng thú tò mò khi các em tham gia.

5.1.2 Các giải pháp có tính mới

Sáng kiến: “Nâng cao chất lượng dạy - học Chính tả” của tôi đã được áp dụng tại trường Tiểu học An Lộc B - Bình Long - Bình Phước. Một số vấn đề tôi đặt ra nhằm mục đích giúp cho giáo viên biết cách tổ chức dạy học Chính tả, khắc phục lỗi chính tả, nâng cao hứng thú học tập cho học sinh. Từ việc nghiên cứu thực tiễn, tôi đã áp dụng các giải pháp sau:

Luyện viết đúng chính tả bằng thính giác.

Luyện đúng chính tả bằng thị giác.

Luyện viết đúng chính tả bằng cách hiểu nghĩa từ.

Luyện viết đúng chính tả bằng cách ghi nhớ mẹo luật chính tả.

Luyện viết đúng chính tả bằng cách học thuộc lòng từng chữ một.

Luyện viết đúng chính tả thông qua luyện tập các bài tập chính tả.

Thiết kế trò chơi ô chữ trong dạy - học Chính tả nhằm nâng cao hứng thú cho học sinh khi tham gia thực hiện các bài tập chính tả âm vần.

5.2 Nội dung sáng kiến

5.2.1 Luyện viết đúng chính tả bằng thính giác

Giáo viên cố gắng phát âm “chuẩn” để học sinh phân biệt các âm, vần, dấu thanh khi viết chính tả. Luyện kỹ năng nghe - viết cho học sinh.

Muốn học sinh viết đúng chính tả, giáo viên phải chú ý luyện phát âm cho học sinh để phân biệt các thanh, các âm đầu, âm chính, âm cuối vì chữ quốc ngữ là chữ ghi âm (âm thế nào, chữ ghi lại thế ấy).

Việc rèn phát âm không chỉ được thực hiện trong luyện đọc mà được thực hiện thường xuyên, liên tục, lâu dài trong tất cả các tiết học của môn Tiếng Việt và các môn học khác.

Với những học sinh có vấn đề về mặt phát âm (nói ngọng, nói lắp,...), giáo viên lưu ý học sinh chú ý nghe cô phát âm để viết cho đúng. Vì vậy, giáo viên phải cố gắng phát âm rõ ràng, tốc độ vừa phải mới có thể giúp học sinh viết đúng được.

5.2.2 Luyện viết đúng chính tả bằng thị giác

Yêu cầu học sinh đọc nhiều lần bài chính tả, tìm ra chữ khó hay mắc lỗi để luyện viết. Yêu cầu học sinh phân tích tiếng thường xuyên mắc lỗi thành âm đầu, vần, thanh, so sánh với những chữ dễ lẫn lộn, nhấn mạnh những điểm khác nhau để học sinh ghi nhớ. Từ đó học sinh nhớ cách ghi các bộ phận của tiếng để viết đúng, sau đó giáo viên phải cho học sinh viết, phát âm lại cho đúng các chữ đó.

Ví dụ: Khi viết tiếng **“buông”** học sinh dễ lẫn lộn với tiếng **“buồn”**, giáo viên yêu cầu học sinh phân tích cấu tạo hai tiếng này:

- buông = b + uông + thanh huyền
- buồn = b + uôn + thanh huyền

So sánh để thấy sự khác nhau: Chữ **“buông”** có âm cuối là **“ng”**, chữ **“buồn”** có âm cuối là **“n”**. Học sinh ghi nhớ điều này, khi viết, các em sẽ không viết sai.

Viết xong bài, tập cho các em có thói quen tự sửa lỗi cho mình, nghe giáo viên đọc lại một lần nữa để soát lỗi trong bài viết của mình. Kiểm tra sâu soát việc soát lỗi, xem đây là bước không kém phần quan trọng trong giờ dạy Chính tả. Nếu không khéo, học sinh sẽ thực hiện một cách hình thức, không đem lại hiệu quả thiết thực.

5.2.3 Luyện viết đúng chính tả bằng cách hiểu nghĩa từ

Biện pháp thứ ba để khắc phục lỗi chính tả cho học sinh là giải nghĩa từ. Việc giải nghĩa từ cũng là việc làm rất cần thiết trong khi viết chính tả, khi mà học sinh không thể phân biệt từ khó dựa vào phát âm hay phân tích cấu tạo tiếng. Có nhiều cách để giải nghĩa từ cho học sinh: Giáo viên có thể cho học sinh đọc chú giải, đặt câu (nếu học sinh đặt câu đúng tức là học sinh đã hiểu nghĩa từ), tìm từ đồng nghĩa, trái nghĩa, miêu tả đặc điểm hoặc sử dụng vật thật, mô hình, tranh ảnh,...

Ví dụ: Phân biệt **tay** và **tai**

+ Giải nghĩa từ **tay**: Bộ phận phía trên của cơ thể người, từ vai đến các ngón, dùng để cầm, nắm; thường được coi là biểu tượng của lao động cụ thể của con người.

Với những từ nhiều nghĩa, giáo viên phải đặt từ đó trong văn cảnh cụ thể để giải nghĩa từ.

+ Giải nghĩa từ **tai**: Cơ quan của thính giác ở hai bên mặt, dùng để nghe.

5.2.4 Luyện viết đúng chính bằng cách ghi nhớ mẹo luật chính tả

Mẹo luật chính tả là các hiện tượng chính tả mang tính quy luật chi phối hàng loạt từ, giúp giáo viên khắc phục lỗi chính tả cho học sinh một cách rất hữu hiệu. Ngay từ lớp 1, các em đã được làm quen với luật chính tả đơn giản như: các âm đầu **k,gh,ngh** chỉ kết hợp với các nguyên âm **i, e, ê, iê, ie**; viết yê khi đứng trước là âm đệm u và có âm cuối; khi đứng trước âm chính là nguyên âm mở (a, ă, e ...) âm đệm viết là o (ví dụ: bấn khoăn, tóc xoắn,...), đứng trước ơ, â, ê âm đệm viết là u (ví dụ: hươ, huệ, tuần ...). Ngoài ra, giáo viên có thể cung cấp thêm cho học sinh một số mẹo luật khác như:

***/ Phân biệt âm đầu tr/ch:** Đa số các từ chỉ đồ vật trong nhà và tên con vật đều bắt đầu bằng **ch**, ví dụ: chăn, chiếu, chảo, chổi, chai, chày, chén, chum, chạn, chỗ, chĩnh, chuông, chiêng, choé,... chồn, chí, chuột, chó, chuồn chuồn, châu chấu, chào mào, chiến chiến, chấu chàng, chèo bẻo, chìa vôi...

***/ Phân biệt âm đầu s/x:** Đa số các từ chỉ tên cây và tên con vật đều bắt đầu bằng **s**: Sả, si, sồi, sứ, sung, sắn, sim, sao, su su, sầu đâu, sa nhân, sơn trà, sắt, sậy, sấu, sến, săng lẻ, sầu riêng, so đũa... sam, sán, sáo, sâu, sên, sếu, sò, sóc, sói, sứa, sáo sậu, săn sắt, sư tử, sơn dương, san hô...

***/ Phân biệt dấu thanh hỏi/ngã:** Các từ gộp âm chỉ mang thanh hỏi không mang thanh ngã:

- trong + ây = trông.

- anh + ây = ảnh

- trên + ây = trên

- ông + ây = ông

- cô + ây = cô

- hôm + ây = hôm

- chị + ây = chị

- bên + ây = bên

***/ Phân biệt vần dễ lẫn lộn (vần có âm cuối n/ng, t/c):**

Mẹo 1: Hầu hết các từ tượng thanh vần có âm cuối là ng: lèng kèng, ăng ăng, sang sảng, thùng thùng, đùng đoàng, leng keng, reng reng, sảng sảng, eng éc, quang quác, chập cheng, ...

Mẹo 2: Trong từ láy thường theo khuôn vần: an - at (man mát, san sát, chan chát, ran rât, ...), ang - ac (khang khác, bàng bạc, nhang nhác, cang cạc,...), ôn - ôt (sồn sột, dôn dốt, tôn tốt, mòn một, ...), vần ông - ôc (xông xộc, công cóc, cồng cộc, ...), vần un - ut (vùn vút, ngùn ngụt, vun vút, ...), vần ung - uc (sùng sục, khùng khục, trùng trục...)

***/ Phân biệt dấu thanh theo luật bổng - trầm:**

Đa số các láy âm đầu, nếu yếu tố đứng trước mang thanh **huyền, ngã, nặng** thì yếu tố sau sẽ mang thanh **ngã** (luật **trầm**), nếu yếu tố trước mang thanh **ngang, sắc, hỏi** thì yếu tố đứng sau mang thanh **hỏi** hoặc ngược lại (luật **bổng**).

Ví dụ: Luật bổng

Ngang + hỏi: vui vẻ, trẻ trung, nho nhỏ, trong trẻo, ...

Luật trầm:

Huyền + ngã: nền nã, sẵn sàng, hững hờ, lừng lững, bề bàng ...

Trong các từ láy điệp âm đầu, thanh (hay dấu) của 2 yếu tố ở cùng một hệ **bổng** (**ngang/sắc/hỏi**) hoặc **trầm** (**huyền/ngã/nặng**). Để nhớ được 2 nhóm này, giáo viên chỉ cần dạy cho học sinh thuộc 2 câu thơ:

Em **Huyền** mang **nặng, ngã** đau

Anh **Ngang sắc** thuốc, **hỏi** đau chỗ nào

Nghĩa là đa số các từ láy âm đầu, nếu yếu tố đứng trước mang thanh **huyền, nặng, ngã** thì yếu tố đứng sau sẽ mang thanh **ngã**, nếu yếu tố đứng trước mang thanh **ngang, sắc, hỏi** thì yếu tố đứng sau sẽ mang thanh **hỏi** (hoặc ngược lại).

Ví dụ: **Bổng**

Ngang + hỏi: đo đỏ, nhỏ nhoi, vắng vắng, vui vẻ...

Sắc + hỏi: nhắc nhở, trắng trẻo, sắc sảo, vắng vẻ...

Hỏi + hỏi: thủ thủ, thỏ thẻ, bẽn lẽn, thủ thủ, rủ rủ...

Trâm:

Huyền + ngã: sẵn sàng, lững lờ, vồn vã

Nặng + ngã: nhẹ nhõm, đẹp đẽ, mạnh mẽ, lạnh lẽo,...

Ngã + ngã: dễ dãi, nghễnh ngãng, nhờn nhèo...

***/ Phân biệt các vần dễ lẫn lộn:**

Một số từ có vần **ênh** chỉ trạng thái bấp bênh, không vững chắc: Gập ghềnh, khắp khênh, chông chênh, lênh đênh, bập bênh, chênh choáng, chệnh choạng, lênh khênh, bập bênh, công kênh...

Hầu hết các từ tượng thanh có tận cùng là **ng** hoặc **nh**: oang oang, ùng ùng, loảng xoảng, ào ào, sang sảng, rổn rảng, ùng oang, quang quác, ăng ăng, ằng ằng, ặc, oăng oăng, rảng rảng, sảng sảng, eng éc, beng beng, chập cheng, leng keng, reng reng, lêng xêng, ùng ùng, ùng ùng, thùng thùng, bình bịch, thỉnh thỉnh, thỉnh thỉnh, rập rình, xập xình, huỳnh huých...

Vần **uyu** chỉ xuất hiện trong các từ: khuỷu tay, khúc khuỷu, ngã khuỷu, khuỷu chân; vần **o eo** chỉ xuất hiện trong các từ ngoằn ngoèo, khoèo chân...

Lưu ý khi dùng mẹo luật mang tính khả thi chỉ khi mẹo đáp ứng được cả hai điều kiện: mẹo phải đơn giản, dễ nhớ, phù hợp với trình độ học sinh và mẹo cũng không thể quá nhiều, nếu không thì tra từ điển còn hơn là nhớ mẹo luật.

5.2.5. Luyện viết đúng chính tả bằng cách học thuộc lòng từng chữ một

Học viết đúng chính tả bằng mẹo luật cũng có những khó khăn nhất định. Mẹo luật dù có hiệu quả chẳng nữa thì cũng không đến mức giải quyết tất cả vấn đề chính tả. Vì thế phải xem xét đến học thuộc lòng từng chữ một. Tuy trong Tiếng Việt có rất nhiều âm tiết nhưng tùy từng vùng miền mà học sinh có vấn đề về chính tả với một số loại âm tiết khác nhau. Nắm được nội dung quan trọng này, nếu chúng ta biết lựa chọn “sai gì học nấy” theo từng cấp độ thì vấn đề sẽ không đến nỗi quá phức tạp.

Trong quá trình chấm bài, giáo viên phát hiện lỗi sai của học sinh, giáo viên yêu cầu các em sửa sai rồi viết lại nhiều lần cho đúng. Như vậy các em sẽ nhớ lâu hơn và cũng khắc phục được phần nào lỗi chính tả.

5.2.6. Luyện viết đúng chính tả thông qua luyện tập các bài tập chính tả

Giáo viên có thể đưa ra các dạng bài tập chính tả khác nhau để giúp học sinh tập vận dụng các kiến thức đã học, làm quen với việc sử dụng từ trong văn cảnh cụ thể. Các bài tập đưa ra cần đa dạng, phong phú. Sau mỗi bài tập, giáo viên giúp học sinh

rút ra các quy tắc chính tả để các em ghi nhớ. Sau đây là những gợi ý nhằm thiết kế các dạng bài tập nhằm giảm bớt lỗi cho học sinh.

a/ Dạng bài tập điền khuyết

Bài 1: Điền l hay n vào chỗ trống trong các từ sau:

- đường ...àng, ...àng tiên
- ...ững nịu, thung ...ững
- cuộn ...en, cái ...ón

Bài 2: Điền vào chỗ trống vần ai/ay trong truyện cười dưới đây:

Bút làm gì có tai

Vì không cẩn thận, Lê đã đánh rơi bút lúc nào mà không h... biết. Lê rất buồn.

Lan góp ý:

Bạn h... nhờ loa phát thanh của nhà trường tìm giúp đi. Biết đâu m... mắ tìm l... được.

Lê không tin, cứ ngồi bần thần một lúc, bỗng bật nói:

Không được đâu, cái bút làm gì có t... .Làm sao nó nghe được mà về cơ chứ?

Bài 3: Điền vào chỗ trống

- ươn/ương: bay l..., b... chải, bốn ph..., chán ch...
- iệt/ iêc: đi biên b..., thấy tiếng t..., xanh biêng b...

a/ Bài tập chọn lựa

Bài 1: Điền vào chỗ trống những từ trong ngoặc đơn sao cho phù hợp:

Người về nhớ Bác đường ... (xuôi/suôi)

Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ Người

Nhớ ông cụ mắt ... (xáng/sáng) ngời

Áo nâu túi vải đẹp tươi lạ thường

Nhớ Người những sáng tinh ... (xương/sương)

Ung dung yên ngựa trên đường ... (suối/xuối) reo

Nhớ chân Người bước lên đèo

Người đi rừng núi trông theo bóng Người.

(Tố Hữu)

b/ Bài tập phát hiện:

Bài 1: Gạch chân chữ viết sai chính tả

a. hướng dẫn

b. vui vẽ

c. giải lụa

d. thung lũng

e. oan uổng

f. lĩnh kĩnh

Bài 2: Những chữ nào trong bài viết sai chính tả, em hãy chữa lại cho đúng.

Buồn trông cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.

(Nguyễn Du)

Hạt gạo làng ta

Có vị phù sa

Của sông Kinh Thầy

Có hương sen thơm

Trong hồ nước đầy

Có lời mẹ hát

Ngọt bùi hôm nay

(Trần Đăng Khoa)

c/ Bài tập giải câu đố

Bài 1: Em chọn tr hay ch để điền vào chỗ trống rồi giải câu đố sau:

Mặ ... òn, mặt lại đỏ gay

Ai nhìn cũng phải nhú mày vì sao

Suốt ngày lơ lửng ... ên cao

Đêm về đi ngủ, ... ui vào nơi đâu?

(Là gì?)

Bài 2: Em chọn dấu hỏi hay dấu ngã để đặt trên những chữ in đậm rồi giải câu đố sau:

Cánh gì cánh **chăng** biết bay

Chim hay sà xuống nơi đây kiếm mồi

Đôi ngàn vạn giọt mồ hôi

Bát com trắng **deo, đĩa** xôi thơm bùi.

(Là gì?)

Bài 3: Giải câu đố

Mặt tròn như một chiếc nong

Lưu lưng bụng nước, mát trong suốt đời

Chẳng bao giờ nói một lời

Sẵn sàng giúp đỡ mọi người cần em.

(Là cái gì?)

Không có chân

Không có tay

Mà hay mở cửa. (Là gì?)

d/ Bài tập phân biệt

Đặt câu để phân biệt từng cặp từ sau:

nóng - lóng

chúc - chút

bụt - bực

vẽ - vễ

e/ Bài tập tìm từ

Học sinh tìm từ ngữ chứa âm, vần dễ lẫn qua gợi ý nghĩa của từ, qua gợi ý từ đồng âm, từ trái nghĩa....

Bài 1:Viết đúng

- Viết 3 từ chứa tiếng bắt đầu bằng ch.
- Viết 3 từ chứa tiếng bắt đầu bằng tr.

Bài 2: Tìm các từ chỉ hoạt động

- Chứa tiếng bắt đầu bằng r: ...
- Chứa tiếng bắt đầu bằng d:...
- Chứa tiếng bắt đầu bằng gi:...

Bài 3: Tìm các từ chứa tiếng bắt đầu bằng ướt hoặc ước có nghĩa như sau:

- Dụng cụ để đo, vẽ, kẻ: ...
- Thi không đỗ:...
- Người chuyên nghiên cứu, bào chế thuốc chữa bệnh:...

Bài 4: Tìm từ ngữ có thanh hỏi hoặc thanh ngã có ý nghĩa như sau:

Trái nghĩa với từ thật thà:...

- Đoạn đường nhỏ hẹp trong thành phố:...
- Cây trồng để làm đẹp:...
- Khung gỗ để dệt vải:...

a/ Bài tập vui đặt câu: Hãy dùng từ bắt đầu bằng r/g để đặt câu.

b/ Bài tập trắc nghiệm

+ Đúng/Sai ?

Đánh dấu x vào ô trống nếu từ theo sau viết đúng chính tả:

☐ mao mấn

☐ mào sắc

☐ bà cháo

☐ cháo loăng

☐ chau mảy

☐ trước sao

☐ lao bàn

☐ lao xao
+ Điền khuyết

Chọn vần phù hợp điền vào chỗ chấm:

khúc kh...

a) iu b) uy c) uyu

ngoằn ng ...

a) eo b) oeo c) oe

+ Nối: Nối các tiếng ở cột A với các tiếng ở cột B để tạo thành những từ viết đúng chính tả:

A

một sợi

bệnh lở mồm

gió

sợ

B

nom nốp

nôm

rom vàng

long móng

5.2.7. Luyện viết đúng chính tả qua trò chơi : Ô chữ

Trong quá trình dạy học, giáo viên thường sử dụng các bài tập có sẵn trong sách giáo khoa để giúp học sinh luyện tập, điều này dễ làm học sinh nhàm chán, không thu hút được sự hứng thú, tích cực của học sinh. Tôi đã vận dụng một số trò chơi ô chữ vào dạy học chính tả, bước đầu thu được kết quả khả quan. Xin giới thiệu một số trò chơi Ô chữ tôi đã sáng tạo và vận dụng.

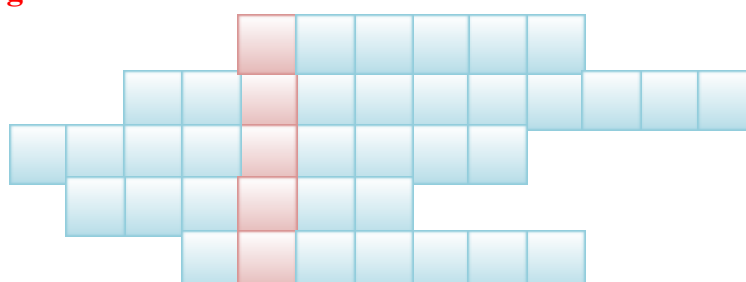
/ Ô chữ 1 : Chủ đề “Động vật và thực vật”*Phân biệt an/ang**

(1)

(2)

(3)

(4)





Gợi ý:

Ô chữ chìa khóa: Loài chim ăn thịt, to lớn, cánh dài và rộng, sống ở núi cao; tên chim này có hai tiếng, tiếng đầu có nghĩa là “lớn”.

- (1) Lan đất
- (2) Loài hoa có tên trùng với học vị của người đỗ đầu trong kì thi đình thời vua chúa.
- (3) Cây này thân bò, rễ phình ra thành củ.
- (4) Hoa màu trắng mọc nhiều ở vùng Tây Bắc.
- (5) Tên loài rau trùng với bộ phận của con cua.
- (6) Vịt xiêm còn gọi là ...
- (7) Cây mọc ở sân trường, cho bóng mát.

Đáp án :

- (1) Đ I A L A N
8
- (2) T R A N G N G U Y Ê N
- (3) K H O A I L A N G
- (4) H O A B A N
- (5) C À N G C U A
- (6) N A N
- (7) T Ô M C À N G

***/ Ô chữ 2 : Phân biệt s/x**

- (1)
- (2)
- (3)
- (4)
- (5)
- (6)

Gợi ý:

Ô chữ chìa khóa: Loài chim nhảy nhỏ, lông màu hạt dẻ, có vằn, mỏ hình nón, hay làm tổ ở nóc nhà.

- (1) Còn gọi là chim chiền chiện; thường dùng để ví giọng hát hay.
- (2) Hoa gì nở giữa mùa hè
Trong đầm thơm mát lá xòe che ô?
- (3) Cùng nghĩa với đẹp.
- (4) Vùng đất cát rộng lớn, không có nước, hầu như không có cây cỏ và động vật.
- (5) Người chuyên khám chữa bệnh cho bệnh nhân.
- (6) Đây là vật gì?

Đáp án:

- (1) S Ơ N C A
- (2) H O A S E N
- (3) X I N H
- (4) S A M A C
- (5) B Á C I
- (6) L Ư Ỡ I X È N G

***/ Ô chữ 3 : Phân biệt v/d**

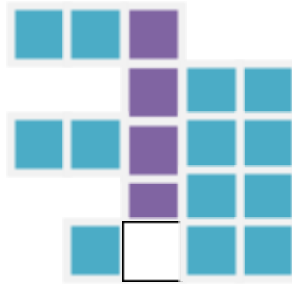
(1)

(2)

(3)

(4)

(5)



Gợi ý:

Ô chữ chìa khóa: Con gì kêu ra rả

Suốt cả buổi trưa hè?

(1) Quắc quắc, quạc quạc

Con vịt,

Có thương em tao

Thì lội xuống ao

Bắt ba con ốc

(2) Con gì nho nhỏ

Lưng nó uốn cong

Bay khắp cánh đồng

Kiểm hoa làm mật?

(3) Hang sâu dưới đất là nhà

Một mình lải nhải hát ca suốt ngày.

Gặp bạn thì thật là gay

Xông vào đám đá có ngày thương vong.

(Là con gì?)

(4) Con gì rất giỏi

Nói được tiếng người

Luôn miệng nói vui

Dù chẳng hiểu biết?

(5) Còn gọi là vịt trời.

Đáp án:

(1)

(2)

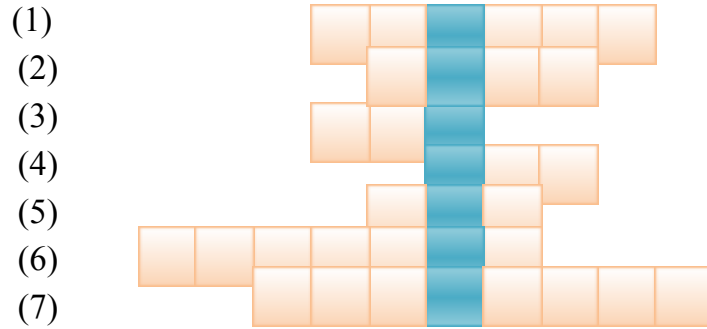
(3)

(4)

(5)



***/ Ô chữ 4: Phân biệt ưu/ươu**

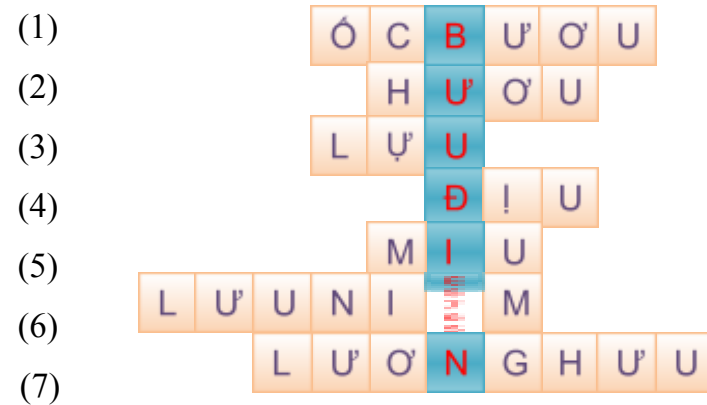


Gợi ý :

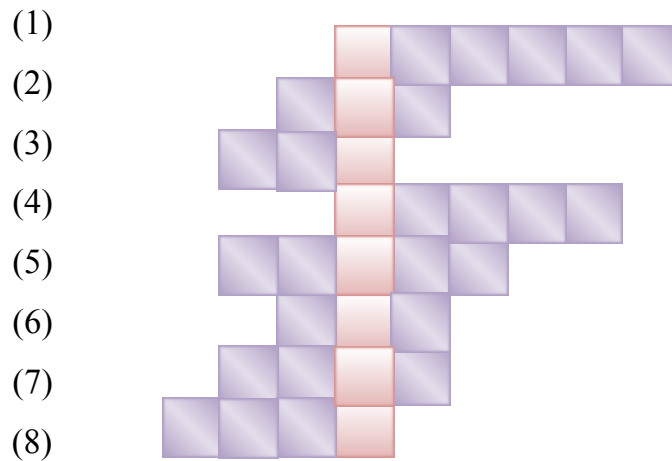
Ô chữ chìa khóa : Muốn gửi thư thì phải đến chỗ này.

- (1) Một loại ốc sống ở ao, ruộng.
- (2) Vẽ đường cho ... chạy.
- (3) Cây có hoa màu đỏ, nở vào mùa hè, trái ăn được ; “Đầu tường lửa ... lập lòe đom bông” (truyện Kiều)
- (4) Mang đĩa trẻ trước ngực hay sau lưng bằng vật dụng may bằng vải, có dây đeo.
- (5) Cũng chỉ con mèo.
- (6) Vật giữ làm kỉ niệm.
- (7) Khoản tiền cấp định kì cho một người sau khi hết tuổi lao động.

Đáp án :



***/ Ô chữ 5 : Phân biệt r/g**



Gợi ý : Ô chữ chìa khóa : Quả có múi gần như múi mít, mùi đặc biệt, trồng nhiều ở miền Nam.

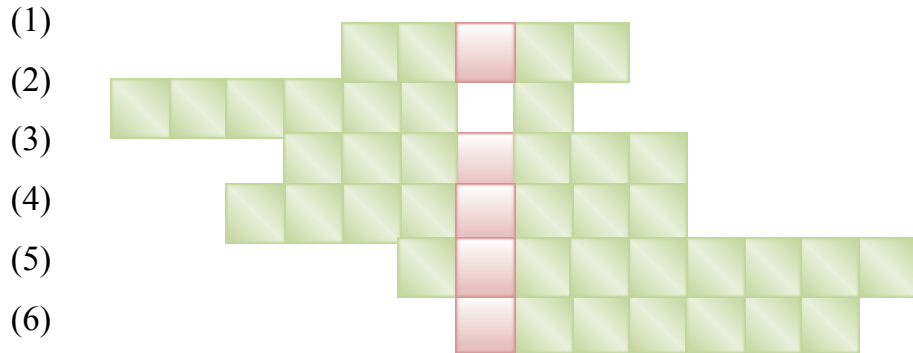
- (1) Bệnh do một loại muỗi lan truyền, gây nên những cơn nóng lạnh co chu kì.
- (2) ... xa trời.
- (3) Đắng mảy ...
- (4) Củ gì cùng họ với củ nghệ, củ gừng.
- (5) Loài thú sống ở bờ nước, chân có màng, thức ăn chính là cá.
- (6) Rong ...
- (7) ... vàng biển bạc.
- (8) ... càng già càng cay.

Đáp án :



***/ Ô chữ 6 : Chủ đề Bữa ăn**

Phân biệt at/ac



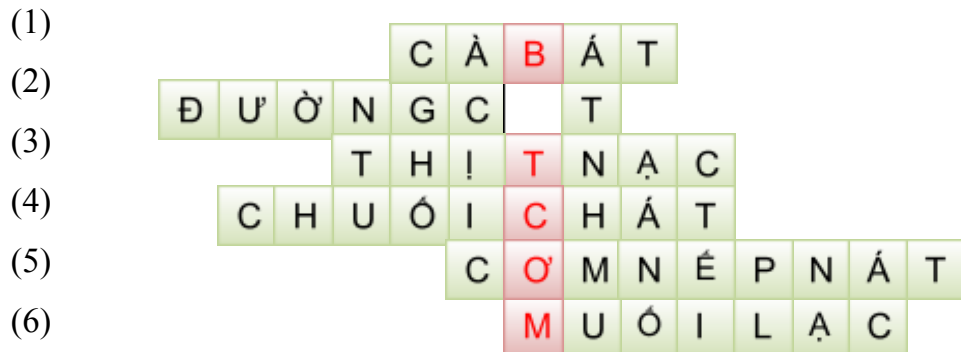
Gợi ý:

Ô chữ chìa khóa: Ai ơi bụng đầy

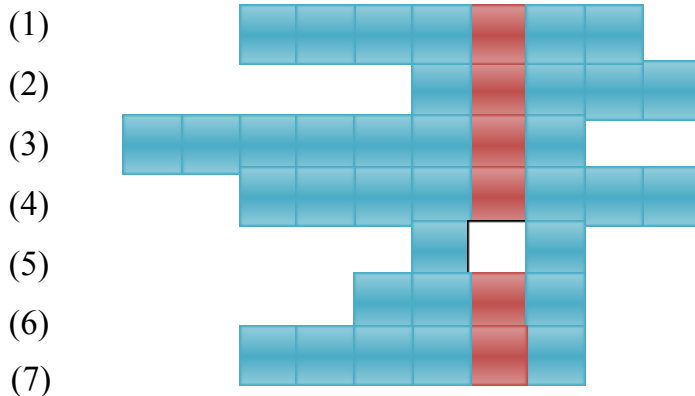
Đẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần

- (1) Loại cà quả to, màu trắng
- (2) Ngọt như, mát như đường phèn
- (3) Phần thịt không có mỡ
- (4) Loại quả có vị chát, hay ăn kèm với thịt lợn luộc
- (5) Chán như
- (6) Đậu phộng trộn với muối, đường

Đáp án :



***/ Ô chữ 7 : Phân biệt c/k**



Gợi ý:

Ô chữ chìa khóa: Loài vật này thường sống thành đàn.



- (1)
- (2) Con gì có vẩy có đuôi
Tung tăng bơi lội khắp nơi trong hồ?
- (3) Tôi thường làm bạn
Vớ bé mà thôi
Khi ăn cầm tôi
Dễ hơn cầm đũa.
(Là cái gì?)



- (4)
- (5) Có công mài sắt, có ngày nên
- (6) thanh ...
- (7) Con gì cô Tấm mến thương
Khi chết lại gửi năm xương giúp đời?

Đáp án:

- (1) M Æ N G C Ụ T
- (2) C O N C Á
- (3) C Á I M U Ỗ N G
- (4) D Ò N G K Ê N H
- (5) K M
- (6) K II É M
- (7) C Á B Ộ N G

*** / Ô chữ 8 : Chủ đề “Thực vật”**

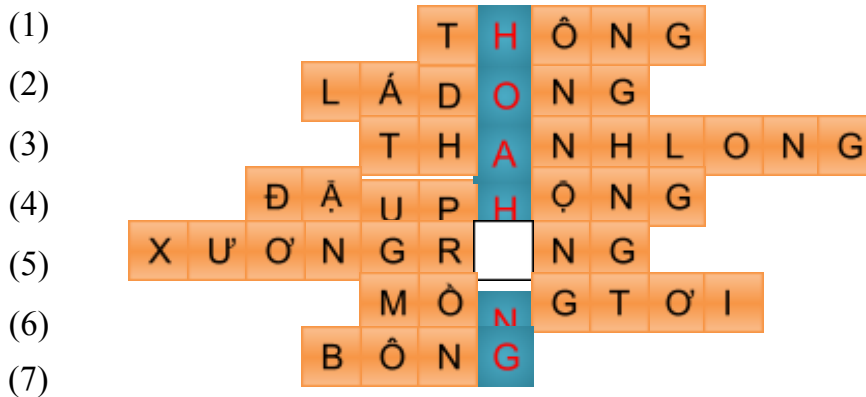
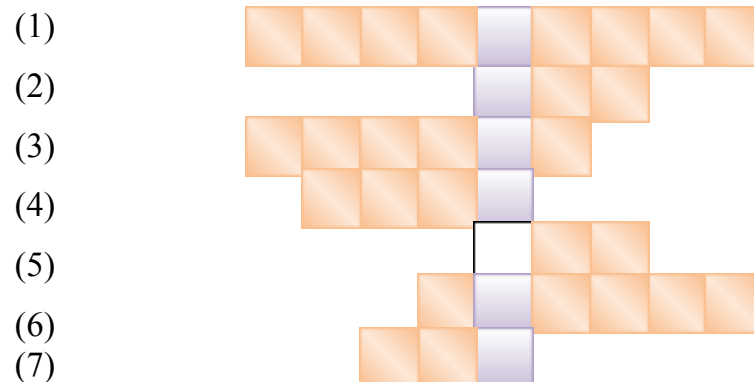
Phân biệt ong/ông

- (1)
- (2)
- (3)
- (4)
- (5)
- (6)
- (7)

Gợi ý:

Ô chữ chìa khóa: Loài hoa thơm, thân có gai; hoa thường có màu hồng, đỏ, trắng, vàng.

- (1) Cây này thường trang trí trong đêm Nô – en
- (2) Người ta dùng lá này để gói bánh chưng
- (3) Loài cây có tên nghĩa là “rồng xanh”, trồng nhiều ở Bình Thuận.
- (4) Miền Bắc gọi là lạc
- (5) Loài cây thường mọc ở vùng khô hạn, thân có nhiều gai; tên nghe lại tưởng là xương của một loài vật thần thoại.
- (6) Nghèo rớt
- (7) Miền Bắc gọi là hoa, miền Nam gọi là ...

Đáp án:***/ Ô chữ 9 : Chủ đề “Động vật”****Phân biệt au/ao**

Gợi ý: Ô chữ chìa khóa: Chim gấp bác chào bác.

- (1) Loài thú có cổ cao và dài
- (2) Một loài trai sống ở biển hay cửa sông, bám chắc vào đá.
- (3) Miền Bắc gọi là cá quả hay cá chuối; miền Nam gọi là cá lóc; miền Trung gọi là

- (4) Tên một loài còn gọi là nghêu; đồng âm với tên một giống chó.
 (5) Gà trống thì có ...
 (6) Loài ốc biển, thịt làm món ăn rất quý; tên gồm có hai tiếng, tiếng sau có nghĩa là cá.
 (7) Quạ tắm thì ráo, ... tắm thì mưa.

Đáp án:

- (1) H U Ơ U C A O C Ồ
 (2) H À U
 (3) C Á T R À U
 (4) N G A O
 (5) À O
 (6) B À O N G U
 (7) S Á O

/ Ô chữ 10 : Chủ đề “Anh hùng dân tộc”*Phân biệt ch/tr**

- (1)
 (2)
 (3)
 (4)
 (5)
 (6)
 (7)

Gợi ý :

Ô chữ chìa khóa : Vị nữ anh hùng cuối voi ra trận chống giặc Ngô.

- (1) Người có câu nói nổi tiếng : “ Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc”
 (2) Hai chị em và là hai vị nữ anh hùng của nước ta.
 (3) Vị anh hùng chống Pháp, được vinh danh là Bình Tây đại nguyên soái.
 (4) Người viết Bình Ngô đại cáo.
 (5) Tên của Bác Hồ và cũng là tên thành phố lớn của nước ta.
 (6) Họ và tên đầy đủ của vị nữ anh hùng ở ô chìa khóa.
 (7) Cũng là Nguyễn Đình Chiểu.

Tổ chức cho học sinh thành lập nhóm học tập, các nhóm này sẽ giúp đỡ nhau trong việc ôn các quy tắc chính tả, sửa phát âm sai dẫn đến viết sai chính tả, các nhóm lập sổ tay Chính tả của nhóm. Giáo viên hướng dẫn cách ghi các lỗi chính tả mà nhóm hay mắc phải trong bài viết và cách viết đúng các từ đó. Sau khi ghi các từ mắc lỗi, các em cần ghi thêm các từ tương tự có âm đầu, vần, thanh, tên riêng ... để giúp các em viết đúng nhiều từ (ví dụ nhóm học sinh viết sai tiếng có vần au màu xanh/màu xanh, cho học sinh viết thêm sáu/sáo, tàu/tào ...).

Với học sinh viết sai quá nhiều lỗi chính tả ngoài việc cho các em luyện viết chính tả trong nhóm giáo viên cần yêu cầu các em có sổ riêng, ghi lại nhiều lần tiếng, từ hay viết sai để các em nhớ mặt chữ và sẽ không viết sai những chữ đó ở lần sau.

5.3. Khả năng áp dụng của sáng kiến: Các biện pháp này có thể áp dụng cho các tiết Chính tả ở bậc tiểu học.

6. Những thông tin cần được bảo mật (nếu có): Không

7. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:

Giáo viên chuẩn bị đủ đồ dùng dạy học, nghiên cứu, phân loại cụ thể các lỗi chính tả học sinh lớp mình thường mắc phải để có biện pháp khắc phục.

8. Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả:

8.1 Kết quả

Trong quá trình dạy - học, tôi đã áp dụng các biện pháp trên và nhận thấy học sinh có tiến bộ rõ rệt. Bản thân các em cũng ý thức hơn khi viết bài nên bài viết ít mắc lỗi chính tả. Tuy rằng đây mới chỉ là kết quả ban đầu, khắc phục lỗi chính tả là cả một quá trình lâu dài, song tôi vẫn cảm thấy rất vui vì công việc mình làm đã bước đầu có hiệu quả.

Trong quá áp dụng các biện pháp nêu trên, đặc biệt là trò chơi học tập, tôi nhận thấy học sinh giảm bớt lỗi đáng kể, các em hứng thú hẳn lên, không còn rụt rè nhút nhát, luôn sôi nổi với tiết học Chính tả, thích thú khám phá trò chơi được thiết kế trong Powerpoint. Học sinh hăng say xây dựng bài hơn, làm bài tập nhanh hơn.

Thiết kế và tổ chức trò chơi tuy có tốn thời gian nhưng tôi đã tìm thấy niềm vui trong dạy học và cảm thấy tâm đắc với phương pháp này. Bởi vì thông qua các trò chơi, quan hệ thầy - trò trở nên gần gũi hơn. Tình cảm bạn bè giữa học sinh với học sinh ngày càng gắn bó. Những giờ học thoải mái, sôi nổi, hiệu quả ngày càng gia tăng. Chất lượng học tập của các em ngày càng được nâng lên, hạn chế tình trạng học sinh tiếp thu kiến thức một cách thụ động, trong giờ học không còn hiện tượng học sinh lơ là trong học tập. Không những thế, trò chơi còn giúp học sinh nhút nhát, cá biệt hòa mình vào tập thể. Số lượng học sinh yêu thích môn Tiếng Việt ngày một tăng lên. Điều đó cho thấy những cố gắng đổi mới trong phương pháp, hình thức dạy học của tôi đã có kết quả khả quan. Đó chính là động lực giúp tôi tiếp tục theo đuổi ý tưởng của mình.

THỐNG KÊ KẾT QUẢ HỌC KÌ I (NĂM HỌC 2020- 2021)

	TSHS	Không mắc lỗi		Sai 1-2 lỗi		Sai 3- 4 lỗi		Sai 5 lỗi trở lên	
		TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
Đầu năm	45	6	13,4	11	24,4	17	37,8	11	24,4
Cuối kì I	45	15	33,3	10	22,2	16	35,6	4	8,9

8.2 Bài học

Luyện viết đúng chính tả bằng thính giác.

Luyện đúng chính tả bằng thị giác.

Luyện viết đúng chính tả bằng cách hiểu nghĩa từ.

Luyện viết đúng chính tả bằng cách ghi nhớ mẹo luật chính tả.

Luyện viết đúng chính tả bằng cách học thuộc lòng từng chữ một.

Luyện viết đúng chính tả thông qua luyện tập các bài tập chính tả.

Thiết kế trò chơi ô chữ trong dạy - học Chính tả nhằm nâng cao hứng thú cho học sinh khi tham gia thực hiện các bài tập chính tả âm vần.

Để dạy học chính tả có hiệu quả, cần phải chú ý những phương pháp dạy học phát huy tính tích cực chủ động của học sinh, các phương pháp đặc trưng của môn học: phương pháp thực hành giao tiếp (đọc, viết, nghe, nói trong các tình huống cụ thể), phương pháp rèn luyện theo mẫu, phương pháp phân tích ngôn ngữ,...

Giáo viên thực hiện đầy đủ và có hiệu quả các biện pháp dạy học phân môn nhằm rèn luyện cho học sinh kỹ năng viết đúng chính tả, viết tương đối nhanh và trình bày sạch đẹp: hướng dẫn học sinh chuẩn bị và thực hành bài viết chính tả; chấm-chữa bài chính tả; hướng dẫn học sinh làm bài tập chính tả theo yêu cầu chung (bắt buộc) và yêu cầu cụ thể (do giáo viên lựa chọn) sao cho phù hợp với đối tượng học sinh địa phương.

Chuẩn bị các điều kiện và phương tiện thích hợp để tổ chức học sinh tham gia tích cực vào các hoạt động thực hành luyện tập: bảng lớp, bảng phụ, bảng con, giấy khổ to, vở nháp, vở bài tập Tiếng Việt, đồ dùng dạy học đơn giản (phục vụ trò chơi thực hành về bài tập chính tả)...

Bên cạnh việc chuẩn bị những nội dung như đã nêu trên, giáo viên cần đặc biệt lưu tâm đến đặc điểm của lớp, tình hình mắc lỗi của học sinh lớp mình phụ trách, nguyên nhân nào dẫn đến việc mắc những lỗi ấy để có những biện pháp khắc phục hữu hiệu nhất. Dù áp dụng bất cứ biện pháp nào thì đòi hỏi người giáo viên phải kiên trì, không nóng vội, phải vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp dạy học nhằm kích thích sự hứng thú học tập ở các em.